HÁN KÔNG KHANH
Digitally signed by HÁN KÔNG KHANH
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Hoàng Mai, OU=Công ty Cổ Phần Đầu Tư IDJ Việt Nam, CN=HÁN KÔNG KHANH, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND:001075003668
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2021-01-12 17:09:08
Foxit Reader Version: 10.0.1

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM

Số: ...06.../2021/BC-IDJ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ quy định tại Nghị định số 153/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Công ty cổ phần đầu tư IDJ Việt Nam công bố thông tin kết quả mua lại trái phiếu trước hạn như sau:

1. **Thông tin doanh nghiệp:**
   - Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam
   - Số ĐKKD: 0102186593 Ngày cấp: 12/05/2020 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội
   - Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần
   - Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản
   - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 03, TTM Grand Plaza, số 117, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
   - Thông tin liên lạc: 024 3555 8999
2. **Kết quả mua lại trái phiếu trước hạn:**

STT	Mã trái phiếu	Mệnh giá (đồng)	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Khối lượng phát hành	Khối lượng mua lại (theo mệnh giá)	Ngày thực hiện	Khối lượng còn lại sau khi mua lại
1	IBond_2019.01.10	100.000	03 năm	25/07/2019	24/07/2022	100.000	2.300	04/01/2021	83.650
2	IBond_2019.04.10	100.000	03 năm	04/03/2020	03/03/2023	100.000	2.100	04/01/2021	73.510
3	IBond_2020.10.10	100.000	03 năm	16/07/2020	15/07/2023	95.620	2.120	04/01/2021	90.500
4	IBond_2020.11.10	100.000	03 năm	05/05/2020	04/05/2023	100.000	2.150	04/01/2021	89.450
5	IBond_2020.12.10	100.000	03 năm	03/06/2020	02/06/2023	100.000	2.000	04/01/2021	96.755

6	IBond_2020.13.10	100.000	03 năm	03/06/2020	02/06/2023	100.000	3.770	04/01/2021	94.432
7	IBond_2020.14.10	100.000	03 năm	28/07/2020	27/07/2023	100.000	300	04/01/2021	98.558
8	IBond_2020.15.10	100.000	03 năm	28/07/2020	27/07/2023	100.000	3.370	04/01/2021	95.328
9	IBond_2020.16.10	100.000	03 năm	28/07/2020	27/07/2023	99.981	6.160	04/01/2021	93.821
10	IBond_2020.17.10	100.000	03 năm	28/07/2020	27/07/2023	100.000	300	04/01/2021	96.700
11	IBond_2020.18.10	100.000	03 năm	28/07/2020	27/07/2023	100.000	3.405	04/01/2021	96.595
12	IBond_2020.22.10	100.000	03 năm	21/08/2020	20/08/2023	200.000	17.608	04/01/2021	182.392
	TỔNG						**45.583**		**1.191.691**

3. Danh sách nhà đầu tư bán lại trái phiếu:

STT	Mã trái phiếu	Tên Nhà đầu tư	Cá nhân /Tổ chức	Trong nước /Ngoài nước	Ngày thực hiện	Số lượng mua lại	Giá mua lại (đồng)
1	IBond_2019.01.10	CTCP Đầu tư Anpha	Tổ chức	Trong nước	04/01/2021	2.300	230.000.000
2	IBond_2019.04.10	CTCP Đầu tư Anpha	Tổ chức	Trong nước	04/01/2021	2.100	210.000.000
3	IBond_2020.10.10	CTCP Đầu tư Anpha	Tổ chức	Trong nước	04/01/2021	2.120	212.000.000
4	IBond_2020.11.10	CTCP Đầu tư Anpha	Tổ chức	Trong nước	04/01/2021	2.150	215.000.000
5	IBond_2020.12.10	CTCP Đầu tư Anpha	Tổ chức	Trong nước	04/01/2021	2.000	200.000.000
6	IBond_2020.13.10	CTCP Đầu tư Anpha	Tổ chức	Trong nước	04/01/2021	3.770	377.000.000
7	IBond_2020.14.10	CTCP Đầu tư Anpha	Tổ chức	Trong nước	04/01/2021	300	30.000.000
8	IBond_2020.15.10	CTCP Đầu tư Anpha	Tổ chức	Trong nước	04/01/2021	3.370	337.000.000
9	IBond_2020.16.10	CTCP Đầu tư Anpha	Tổ chức	Trong nước	04/01/2021	6.160	616.000.000
10	IBond_2020.17.10	CTCP Đầu tư Anpha	Tổ chức	Trong nước	04/01/2021	300	30.000.000
11	IBond_2020.18.10	CTCP Đầu tư Anpha	Tổ chức	Trong nước	04/01/2021	3.405	340.500.000
12	IBond_2020.22.10	CTCP Đầu tư Anpha	Tổ chức	Trong nước	04/01/2021	17.608	1.760.800.000
	TỔNG					**45.583**	**4.558.300.000**

4. **Danh sách người sở hữu trái phiếu sau khi thực hiện mua lại:**

Danh sách Nhà đầu tư IBOND_2019.01.10:

STT	Tên Nhà đầu tư	Cá nhân /Tổ chức	Trong nước /Ngoài nước	Số lượng TP	Giá trị nắm giữ (đồng)
1	Trần Thúy Hằng	Cá nhân	Trong nước	15.310	1.531.000.000
2	Nguyễn Đỗ Hoàng Lan	Cá nhân	Trong nước	14.000	1.400.000.000
3	Lã Thị Quy	Cá nhân	Trong nước	300	30.000.000
4	Nguyễn Phương Ngân	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
5	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Cá nhân	Trong nước	1.800	180.000.000
6	Nguyễn Văn Ly	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
7	Đỗ Thị Bích Huệ	Cá nhân	Trong nước	800	80.000.000
8	An Hà Anh	Cá nhân	Trong nước	200	20.000.000
9	Trần Thị Hằng	Cá nhân	Trong nước	5.000	500.000.000
10	Nguyễn Thị Hồng Ngân	Cá nhân	Trong nước	300	30.000.000
11	Phạm Việt Hưng	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
12	Vũ Đình Kinh	Cá nhân	Trong nước	4.000	400.000.000
13	Trần Như Trung	Cá nhân	Trong nước	2.500	250.000.000
14	Trần Linh Chi	Cá nhân	Trong nước	200	20.000.000

15	Phí Thị Thúy Hòa	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
16	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Cá nhân	Trong nước	400	40.000.000
17	Phạm Ngọc Dinh	Cá nhân	Trong nước	1.500	150.000.000
18	Cao Anh Chiến	Cá nhân	Trong nước	240	24.000.000
19	Phạm Vũ Hồng Hạnh	Cá nhân	Trong nước	6.600	660.000.000
20	Lương Minh Hiếu	Cá nhân	Trong nước	10.000	1.000.000.000
21	Lý Công Minh	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
22	Trần Thị Mai	Cá nhân	Trong nước	400	40.000.000
23	Nguyễn Ngọc Hà	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
24	Đỗ Quang Huy	Cá nhân	Trong nước	3.400	340.000.000
25	Lê Đắc Lộc	Cá nhân	Trong nước	5.000	500.000.000
26	Đỗ Ngọc Huệ	Cá nhân	Trong nước	200	20.000.000
27	Mai Thị Ngọc Hương	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
28	Nguyễn Hùng Sơn	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
29	Lê Thị Hạnh	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
30	Phí Thị Thu Hiền	Cá nhân	Trong nước	1.500	150.000.000
	TỔNG			**83.650**	**8.365.000.000**

Danh sách Nhà đầu tư IBOND_2019.04.10:

STT	Tên Nhà đầu tư	Cá nhân /Tổ chức	Trong nước /Ngoài nước	Số lượng TP	Giá trị nắm giữ (đồng)
1	Trương Thị Hà	Cá nhân	Trong nước	26.000	2.600.000.000
2	Nguyễn Phương Ngân	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
3	Lê Ngọc Hiền	Cá nhân	Trong nước	300	30.000.000
4	Mai Thúy Vân	Cá nhân	Trong nước	200	20.000.000
5	Vũ Thị Thu Huyền	Cá nhân	Trong nước	900	90.000.000
6	Nguyễn Văn Ly	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
7	Lê Thùy Trang	Cá nhân	Trong nước	100	10.000.000
8	Nguyễn Minh Hoa	Cá nhân	Trong nước	3.000	300.000.000
9	Nguyễn Ngọc Hà	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
10	Lê Đắc Lộc	Cá nhân	Trong nước	5.000	500.000.000
11	Nguyễn Hùng Sơn	Cá nhân	Trong nước	1.500	150.000.000
12	Nguyễn Xuân Phong	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
13	Đỗ Minh Phương	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
14	Vũ Bích Ngọc	Cá nhân	Trong nước	200	20.000.000
15	Phí Minh Đức	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
16	Mai Thị Hoài Thanh	Cá nhân	Trong nước	1.200	120.000.000
17	Nguyễn Thanh Thủy	Cá nhân	Trong nước	400	40.000.000

18	Bùi Thị Hiền	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
19	Nguyễn Thị Huyền	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
20	Vũ Diễm Hồng	Cá nhân	Trong nước	4.000	400.000.000
21	Nguyễn Thị Hiền	Cá nhân	Trong nước	400	40.000.000
22	Phan Diễm Anh	Cá nhân	Trong nước	4.000	400.000.000
23	Nguyễn Minh Thúy	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
24	Nguyễn Xuân Tuyền	Cá nhân	Trong nước	10	1.000.000
25	Phạm Xuân Phong	Cá nhân	Trong nước	4.000	400.000.000
26	Trần Thị Thu Hà	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
27	Phạm Thị Châu	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
28	Đinh Sỹ Minh Lăng	Cá nhân	Trong nước	3.000	300.000.000
29	Lê Chí Công	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
30	Nguyễn Hùng Thịnh	Cá nhân	Trong nước	50	5.000.000
31	Nguyễn Thị Hà	Cá nhân	Trong nước	50	5.000.000
32	Vũ Thị Thanh Loan	Cá nhân	Trong nước	600	60.000.000
33	Trần Thị Kim Oanh	Cá nhân	Trong nước	800	80.000.000
34	Nguyễn Thị Thu Hà	Cá nhân	Trong nước	3.200	320.000.000
35	Khuất Kiên Cường	Cá nhân	Trong nước	600	60.000.000
	TỔNG			**73.510**	**7.351.000.000**

Danh sách Nhà đầu tư IBOND_2020.10.10:

STT	Tên Nhà Đầu tư	Cá nhân/ Tổ chức	Trong nước/ Ngoài nước	Số lượng TP	Giá trị nắm giữ (đồng)
1	Đặng Văn Bằng	Cá nhân	Trong nước	1.700	170.000.000
2	Lâm Thị Mai	Cá nhân	Trong nước	85.000	8.500.000.000
3	Trần Trung Thành	Cá nhân	Trong nước	3.500	350.000.000
4	Phí Thị Thu Hiền	Cá nhân	Trong nước	300	30.000.000
	TỔNG			**90.500**	**9.050.000.000**

Danh sách Nhà đầu tư IBOND_2020.11.10:

STT	Tên Nhà đầu tư	Cá nhân/ Tổ chức	Trong nước/ Ngoài nước	Số lượng TP	Giá trị nắm giữ (đồng)
1	Trần Thúy Hằng	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
2	Trần Thị Phương	Cá nhân	Trong nước	10.000	1.000.000.000
3	Trương Thị Hà	Cá nhân	Trong nước	4.000	400.000.000
4	Nguyễn Phương Ngân	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
5	Dương Thị Ngọc Mận	Cá nhân	Trong nước	10	1.000.000
6	Trần Thị Hằng	Cá nhân	Trong nước	20.000	2.000.000.000
7	Phạm Việt Hưng	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
8	Trần Như Trung	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
9	Cao Anh Chiến	Cá nhân	Trong nước	1.750	175.000.000

10	Nguyễn Xuân Phong	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
11	Vũ Thị Thắm	Cá nhân	Trong nước	1.500	150.000.000
12	Vũ Bích Ngọc	Cá nhân	Trong nước	400	40.000.000
13	Nguyễn Thị Thùy	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
14	Hà Thị Dáng Hương	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
15	Đặng Thị Kim Vân	Cá nhân	Trong nước	600	60.000.000
16	Nguyễn Thị Hiền	Cá nhân	Trong nước	300	30.000.000
17	Nguyễn Xuân Tuyền	Cá nhân	Trong nước	1.100	110.000.000
18	Vũ Thị Thanh Loan	Cá nhân	Trong nước	850	85.000.000
19	Nguyễn Thị Thu Lương	Cá nhân	Trong nước	200	20.000.000
20	Nguyễn Trung Hiếu	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
21	Nguyễn Thị Vân Anh	Cá nhân	Trong nước	200	20.000.000
22	Nguyễn Quang Vinh	Cá nhân	Trong nước	3.500	350.000.000
23	Nguyễn Thị Oanh	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
24	Phạm Minh Huyền	Cá nhân	Trong nước	100	10.000.000
25	Lê Đức Long	Cá nhân	Trong nước	1.700	170.000.000
26	Phạm Diệu Thuần	Cá nhân	Trong nước	300	30.000.000
27	Trần Thị Kim Thúy	Cá nhân	Trong nước	1.300	130.000.000
28	Đào Thị Thanh Mai	Cá nhân	Trong nước	300	30.000.000
29	Nguyễn Thanh Thủy	Cá nhân	Trong nước	400	40.000.000
30	Đậu Thị Hiền	Cá nhân	Trong nước	900	90.000.000
31	Nguyễn Hải Yến	Cá nhân	Trong nước	200	20.000.000
32	Trần Thị Tuyết Trinh	Cá nhân	Trong nước	1.200	120.000.000

33	Nguyễn Thanh Vân	Cá nhân	Trong nước	200	20.000.000
34	Vũ Thị Ngát	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
35	Nguyễn Ngọc Châu	Cá nhân	Trong nước	4.500	450.000.000
36	Nguyễn Thảo Quỳnh	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
37	Trần Phan Nguyệt Minh	Cá nhân	Trong nước	100	10.000.000
38	Nguyễn Thị Ánh	Cá nhân	Trong nước	300	30.000.000
39	Nguyễn Thu Huyền	Cá nhân	Trong nước	200	20.000.000
40	Nguyễn Viết Nam	Cá nhân	Trong nước	5.000	500.000.000
41	Hoàng Thị Giang	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
42	Phạm Thị Thu Hằng	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
43	Nguyễn Thị Hiền Hòa	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
44	Đào Thái Hưng	Cá nhân	Trong nước	800	80.000.000
45	Phạm Quang Ninh	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
46	Đặng Thị Mùi	Cá nhân	Trong nước	10.000	1.000.000.000
47	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
48	Đặng Văn Bằng	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
49	Nguyễn Đức Xuân	Cá nhân	Trong nước	450	45.000.000
50	Phạm Thị Hiền	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
51	Trần Thị Nguyệt	Cá nhân	Trong nước	90	9.000.000
	TỔNG			**89.450**	**8.945.000.000**

Danh sách Nhà đầu tư IBOND_2020.12.10:

STT	Tên Nhà Đầu tư	Cá nhân/ Tổ chức	Trong nước/ Ngoài nước	Số lượng TP	Giá trị nắm giữ (đồng)
1	Trần Thúy Hằng	Cá nhân	Trong nước	3.000	300.000.000
2	Nguyễn Thị Minh Hải	Cá nhân	Trong nước	1.200	120.000.000
3	Nguyễn Minh Trang	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
4	Đặng Thị Kiều Nga	Cá nhân	Trong nước	300	30.000.000
5	Nguyễn Minh Hoa	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
6	Phí Thị Thúy Hòa	Cá nhân	Trong nước	2.500	250.000.000
7	Trần Thị Hải Yến	Cá nhân	Trong nước	1.400	140.000.000
8	Lê Đắc Lộc	Cá nhân	Trong nước	10.000	1.000.000.000
9	Nguyễn Hùng Sơn	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
10	Nguyễn Thị Huyền	Cá nhân	Trong nước	1.300	130.000.000
11	Đỗ Minh Phương	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
12	Hà Thị Dáng Hương	Cá nhân	Trong nước	2.500	250.000.000
13	Phí Ngọc Phương Anh	Cá nhân	Trong nước	3.900	390.000.000
14	Phạm Xuân Phong	Cá nhân	Trong nước	300	30.000.000
15	Nguyễn Thanh Thủy	Cá nhân	Trong nước	200	20.000.000
16	Đặng Thị Mùi	Cá nhân	Trong nước	20.000	2.000.000.000
17	Dương Ngọc Trung	Cá nhân	Trong nước	6.000	600.000.000

18	Bùi Trúc Quỳnh	Cá nhân	Trong nước	390	39.000.000
19	Lê Đức Hùng	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
20	Trịnh Thị Phượng	Cá nhân	Trong nước	700	70.000.000
21	Nguyễn Thị Loan	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
22	Phạm Tú Châu	Cá nhân	Trong nước	200	20.000.000
23	Nguyễn Thị Sơn Hà	Cá nhân	Trong nước	650	65.000.000
24	Nguyễn Văn Tuân	Cá nhân	Trong nước	15.000	1.500.000.000
25	Hoàng Khánh Linh	Cá nhân	Trong nước	200	20.000.000
26	Lê Đắc Thọ	Cá nhân	Trong nước	5.000	500.000.000
27	Phan Mai Anh	Cá nhân	Trong nước	450	45.000.000
28	Nguyễn Thị Hương	Cá nhân	Trong nước	100	10.000.000
29	Ngô Thị Mai	Cá nhân	Trong nước	200	20.000.000
30	Nguyễn Quang Thuật	Cá nhân	Trong nước	50	5.000.000
31	Lê Thị Hằng	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
32	Phùng Thị Trang	Cá nhân	Trong nước	800	80.000.000
33	Nguyễn Xuân Đức	Cá nhân	Trong nước	5	500.000
34	Hỏa Thị Hòe	Cá nhân	Trong nước	5	500.000
35	Nguyễn Kim Dung	Cá nhân	Trong nước	10.000	1.000.000.000
36	Trần Thế Anh	Cá nhân	Trong nước	100	10.000.000
37	Nguyễn Phương Mai	Cá nhân	Trong nước	2.500	250.000.000

38	Hồ Văn Hồng	Cá nhân	Trong nước	300	30.000.000
39	Lưu Như Thảo	Cá nhân	Trong nước	5	500.000
40	Huỳnh Thị Khoa Trâm	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
41	Hoàng Thanh Hà	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
	TỔNG			**96.755**	**9.675.500.000**

Danh sách Nhà đầu tư IBOND_2020.13.10:

STT	Tên Nhà Đầu tư	Cá nhân/ Tổ chức	Trong nước/ Ngoài nước	Số lượng TP	Giá trị nắm giữ (đồng)
1	Trần Thúy Hằng	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
2	Nguyễn Minh Trang	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
3	Lê Thùy Trang	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
4	Nhâm Thị Nhã	Cá nhân	Trong nước	11.000	1.100.000.000
5	Phí Ngọc Phương Anh	Cá nhân	Trong nước	240	24.000.000
6	Nguyễn Xuân Tuyền	Cá nhân	Trong nước	2.100	210.000.000
7	Lê Việt Nga	Cá nhân	Trong nước	1.100	110.000.000
8	Vũ Thị Thanh Loan	Cá nhân	Trong nước	600	60.000.000
9	Vũ Thị Ngát	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
10	Hoàng Thị Giang	Cá nhân	Trong nước	1.500	150.000.000
11	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Cá nhân	Trong nước	100	10.000.000
12	Phạm Thị Hiền	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000

13	Nguyễn Quang Thuật	Cá nhân	Trong nước	1.200	120.000.000
14	Phùng Thị Trang	Cá nhân	Trong nước	600	60.000.000
15	Lê Ngọc Anh	Cá nhân	Trong nước	4.500	450.000.000
16	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Cá nhân	Trong nước	11	1.100.000
17	Ngô Thị Mai Phương	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
18	Nguyễn Xuân Ngọc	Cá nhân	Trong nước	40	4.000.000
19	Lê Thúy An	Cá nhân	Trong nước	50	5.000.000
20	Đỗ Thị Bích	Cá nhân	Trong nước	50	5.000.000
21	Nguyễn Thủy Tiên	Cá nhân	Trong nước	150	15.000.000
22	Nguyễn Quốc Anh	Cá nhân	Trong nước	3.200	320.000.000
23	Nguyễn Thị Minh Hạnh	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
24	Nghiêm Xuân Tiến	Cá nhân	Trong nước	10.000	1.000.000.000
25	Nguyễn Thị Hiền	Cá nhân	Trong nước	3.000	300.000.000
26	Thạch Ngọc Đông	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
27	Đặng Phương Anh	Cá nhân	Trong nước	1	100.000
28	Phan Thị Thanh Nguyên	Cá nhân	Trong nước	100	10.000.000
29	Lâm Hùng Hoàng	Cá nhân	Trong nước	800	80.000.000
30	Phương Thị Cường	Cá nhân	Trong nước	4.000	400.000.000
31	Vũ Thị Ánh	Cá nhân	Trong nước	5.000	500.000.000
32	Lâm Thị Mai	Cá nhân	Trong nước	30.000	3.000.000.000

33	Nguyễn Minh Thúy	Cá nhân	Trong nước	50	5.000.000
34	Lê Thị Tuyết	Cá nhân	Trong nước	3.000	300.000.000
35	Phạm Đức Hưng	Cá nhân	Trong nước	400	40.000.000
36	Lã Diệu Anh	Cá nhân	Trong nước	50	5.000.000
37	Hoàng Tuấn Hải	Cá nhân	Trong nước	10	1.000.000
38	Trịnh Quốc Đạt	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
39	Vũ Thị Thu Hương	Cá nhân	Trong nước	80	8.000.000
40	Nguyễn Thị Kim Chi	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
41	Đặng Xuân Ngọc	Cá nhân	Trong nước	3.000	300.000.000
	TỔNG			**94.432**	**9.443.200.000**

Danh sách Nhà đầu tư IBOND_2020.14.10:

STT	Tên Nhà Đầu tư	Cá nhân/ Tổ chức	Trong nước/ Nước ngoài	Số lượng TP	Giá trị nắm giữ (đồng)
1	Lâm Thị Phương	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
2	Nguyễn Thị Thư	Cá nhân	Trong nước	400	40.000.000
3	Bùi Huy Kiểm	Cá nhân	Trong nước	32.000	3.200.000.000
4	Nguyễn Hùng Sơn	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
5	Nguyễn Minh Thành	Cá nhân	Trong nước	2	200.000
6	Thạch Ngọc Đông	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
7	Phan Thị Thanh Nguyên	Cá nhân	Trong nước	100	10.000.000

8	Nguyễn Thị Lan Hương	Cá nhân	Trong nước	250	25.000.000
9	Lâm Thị Mai	Cá nhân	Trong nước	30.000	3.000.000.000
10	Trịnh Quốc Đạt	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
11	Phan Thị Phương Liên	Cá nhân	Trong nước	4.440	444.000.000
12	Lành Thị Đường	Cá nhân	Trong nước	550	55.000.000
13	Đỗ Thanh Phong	Cá nhân	Trong nước	50	5.000.000
14	Lê Thanh Tuyền	Cá nhân	Trong nước	5.000	500.000.000
15	Trần Văn Xuyên	Cá nhân	Trong nước	5.000	500.000.000
16	Nguyễn Danh Quang	Cá nhân	Trong nước	15.000	1.500.000.000
17	Trần Đức Hà	Cá nhân	Trong nước	1.500	150.000.000
18	Nguyễn Thanh Vinh	Cá nhân	Trong nước	1	100.000
19	Nguyễn Phương Thảo	Cá nhân	Trong nước	52	5.200.000
20	Nguyễn Ngọc Sơn	Cá nhân	Trong nước	100	10.000.000
21	Nguyễn Thị Hồng Minh	Cá nhân	Trong nước	1	100.000
22	Tô Thị Mỹ	Cá nhân	Trong nước	1	100.000
23	Nguyễn Thị Thanh	Cá nhân	Trong nước	10	1.000.000
24	Nguyễn Quang Minh	Cá nhân	Trong nước	100	10.000.000
25	Phạm Đình Hiếu	Cá nhân	Trong nước	1	100.000
	TỔNG			**98.558**	**9.855.800.000**

Danh sách Nhà đầu tư IBOND_2020.15.10:

STT	Tên Nhà Đầu tư	Cá nhân/ Tổ chức	Trong nước/ Nước ngoài	Số lượng TP	Giá trị nắm giữ (đồng)
1	Vũ Thị Thanh Hằng	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
2	Trương Thị Hà	Cá nhân	Trong nước	55.500	5.550.000.000
3	Trần Thị Thiện	Cá nhân	Trong nước	2	200.000
4	Nguyễn Minh Hoa	Cá nhân	Trong nước	200	20.000.000
5	Phạm Xuân Phong	Cá nhân	Trong nước	400	40.000.000
6	Lê Chí Công	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
7	Đào Thái Hưng	Cá nhân	Trong nước	700	70.000.000
8	Lê Thị Hằng	Cá nhân	Trong nước	2.560	256.000.000
9	Nguyễn Thị Hà	Cá nhân	Trong nước	3.400	340.000.000
10	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Cá nhân	Trong nước	5.010	501.000.000
11	Vũ Thị Thu Hương	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
12	Nguyễn Thị Kim Chi	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
13	Nguyễn Thị Hiên	Cá nhân	Trong nước	1.090	109.000.000
14	Nguyễn Danh Quang	Cá nhân	Trong nước	10.000	1.000.000.000
15	Trần Đức Hà	Cá nhân	Trong nước	1.500	150.000.000
16	Nguyễn Thị Thúy	Cá nhân	Trong nước	3.000	300.000.000
17	Trần Minh Tố Nga	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000

18	Nguyễn Thị Thơm	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
19	Đỗ Duy Toàn	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
20	Hoàng Việt	Cá nhân	Trong nước	10	1.000.000
21	Trịnh Văn Thái	Cá nhân	Trong nước	450	45.000.000
22	Trần Thị Thanh	Cá nhân	Trong nước	3.000	300.000.000
23	Phạm Thị Hồng	Cá nhân	Trong nước	100	10.000.000
24	Hoàng Thị Thảo Trang	Cá nhân	Trong nước	6	600.000
25	Vũ Thị Minh Hòa	Cá nhân	Trong nước	400	40.000.000
	TỔNG			**95.328**	**9.532.800.000**

Danh sách Nhà đầu tư IBOND_2020.16.10:

STT	Tên Nhà Đầu tư	Cá nhân/ Tổ chức	Trong nước/ Ngoài nước	Số lượng TP	Giá trị nắm giữ (đồng)
1	Nguyễn Hồng Nhung	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
2	Nguyễn Hùng Sơn	Cá nhân	Trong nước	300	30.000.000
3	Phan Diễm Anh	Cá nhân	Trong nước	3.000	300.000.000
4	Lê Thị Hằng	Cá nhân	Trong nước	515	51.500.000
5	Ngô Thị Mai Phương	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
6	Lâm Thị Mai	Cá nhân	Trong nước	24.000	2.400.000.000

7	Nguyễn Thị Kim Chi	Cá nhân	Trong nước	600	60.000.000
8	Nguyễn Thị Thu Phương	Cá nhân	Trong nước	800	80.000.000
9	Nguyễn Thị Hiên	Cá nhân	Trong nước	2.430	243.000.000
10	Nguyễn Danh Quang	Cá nhân	Trong nước	30.000	3.000.000.000
11	Nguyễn Trọng Thành	Cá nhân	Trong nước	3.456	345.600.000
12	Lê Thị Minh Ngọc	Cá nhân	Trong nước	8.200	820.000.000
13	Nguyễn Văn Quang	Cá nhân	Trong nước	10.000	1.000.000.000
14	Nguyễn Trung Kiên	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
15	Kim Thị Minh Thu	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
16	Nguyễn Phương Dung	Cá nhân	Trong nước	3.000	300.000.000
17	Phạm Phú Lưu	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
18	Đinh Thị Thanh Vân	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
19	Võ Anh Uyên Phương	Cá nhân	Trong nước	20	2.000.000
	TỔNG			**93.821**	**9.382.100.000**

Danh sách Nhà đầu tư IBOND_2020.17.10:

STT	Tên Nhà Đầu tư	Cá nhân/ Tổ chức	Trong nước/ Ngoài nước	Số lượng TP	Giá trị nắm giữ (đồng)
1	Nguyễn Thị Thủy	Cá nhân	Trong nước	10.000	1.000.000.000

2	Trương Thị Hà	Cá nhân	Trong nước	8.000	800.000.000
3	Vũ Thị Thu Huyền	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
4	Nguyễn Văn Ly	Cá nhân	Trong nước	7.000	700.000.000
5	Nguyễn Minh Hoa	Cá nhân	Trong nước	2.200	220.000.000
6	Trần Như Trung	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
7	Phạm Thị Châu	Cá nhân	Trong nước	800	80.000.000
8	Phạm Diệu Thuần	Cá nhân	Trong nước	5.000	500.000.000
9	Đào Thị Thanh Mai	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
10	Hoàng Thanh Hà	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
11	Lâm Thị Mai	Cá nhân	Trong nước	12.000	1.200.000.000
12	Vũ Thị Thu Hương	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
13	Đỗ Hương Giang	Cá nhân	Trong nước	260	26.000.000
14	Nguyễn Khánh Hòa	Cá nhân	Trong nước	1	100.000
15	Đinh Thị Thanh Vân	Cá nhân	Trong nước	3.000	300.000.000
16	Ngô Thị Thanh Sắc	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
17	Nguyễn Minh Phượng	Cá nhân	Trong nước	7.500	750.000.000
18	Đồng Thị Thu Hòa	Cá nhân	Trong nước	2.500	250.000.000
19	Nguyễn Hồng Vân	Cá nhân	Trong nước	5.000	500.000.000
20	Phạm Anh Tuấn	Cá nhân	Trong nước	7.000	700.000.000
21	Trần Võ Cường	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000

22	Nguyễn Huy Giang	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
23	Nguyễn Thanh Phương	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
24	Lưu Mạnh Khiêm	Cá nhân	Trong nước	49	4.900.000
25	Lê Thị Hồng	Cá nhân	Trong nước	800	80.000.000
26	Phí Thị Thu Hiền	Cá nhân	Trong nước	1.500	150.000.000
27	Nguyễn Cẩm Vân	Cá nhân	Trong nước	300	30.000.000
28	Lưu Thị Phương Nga	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
29	Nguyễn Công Nghĩa	Cá nhân	Trong nước	1.980	198.000.000
30	Tôn Thất Việt Quỳnh	Cá nhân	Trong nước	10	1.000.000
31	Đặng Thị Huệ	Cá nhân	Trong nước	10.000	1.000.000.000
32	Nguyễn Đình Chiến	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
33	Phạm Thành Hệ	Cá nhân	Trong nước	300	30.000.000
	TỔNG			**96.700**	**9.670.000.000**

Danh sách Nhà đầu tư IBOND_2020.18.10:

STT	Tên Nhà Đầu tư	Cá nhân/ Tổ chức	Trong nước/ Ngoài nước	Số lượng TP	Giá trị nắm giữ (đồng)
1	Trương Thị Hà	Cá nhân	Trong nước	6.400	640.000.000
2	Nguyễn Thị Bổn	Cá nhân	Trong nước	5.000	500.000.000
3	Trần Hiếu Minh	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000

4	Nguyễn Hùng Sơn	Cá nhân	Trong nước	700	70.000.000
5	Nguyễn Thanh Thủy	Cá nhân	Trong nước	100	10.000.000
6	Nguyễn Đức Hà	Cá nhân	Trong nước	100	10.000.000
7	CTCP Đầu tư Anpha	Tổ chức	Trong nước	370	37.000.000
8	Nguyễn Thị Sơn Hà	Cá nhân	Trong nước	350	35.000.000
9	Đỗ Hương Giang	Cá nhân	Trong nước	560	56.000.000
10	Nguyễn Thị Hiên	Cá nhân	Trong nước	1.260	126.000.000
11	Nguyễn Danh Quang	Cá nhân	Trong nước	15.000	1.500.000.000
12	Trần Minh Tố Nga	Cá nhân	Trong nước	1.500	150.000.000
13	Nguyễn Thị Thơm	Cá nhân	Trong nước	1.100	110.000.000
14	Nguyễn Văn Quang	Cá nhân	Trong nước	10.000	1.000.000.000
15	Nguyễn Minh Phượng	Cá nhân	Trong nước	2.450	245.000.000
16	Nguyễn Hồng Vân	Cá nhân	Trong nước	3.000	300.000.000
17	Nguyễn Huy Giang	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
18	Bùi Phi	Cá nhân	Trong nước	30.000	3.000.000.000
19	Phạm Thị Lan Thanh	Cá nhân	Trong nước	5.000	500.000.000
20	Đoàn Thị Thu Huệ	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
21	Phạm Vũ Thùy Trang	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
22	Phạm Thị Thủy	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
23	Nguyễn Quang Thanh	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000

24	Nguyễn Thị Lan Anh	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
25	Võ Hương Thủy	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
26	Vũ Ngọc Hiếu	Cá nhân	Trong nước	5.000	500.000.000
27	Trần Thị Tài Linh	Cá nhân	Trong nước	5	500.000
28	Trịnh Văn Đoàn	Cá nhân	Trong nước	700	70.000.000
	TỔNG			**96.595**	**9.659.500.000**

Danh sách Nhà đầu tư IBOND_2020.22.10:

STT	Tên Nhà Đầu tư	Cá nhân/ Tổ chức	Trong nước/ Ngoài nước	Số lượng TP	Giá trị nắm giữ (đồng)
1	Trương Thị Hà	Cá nhân	Trong nước	52.000	5.200.000.000
2	Vũ Thị Thu Huyền	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
3	Trần Thị Huỳnh Mai	Cá nhân	Trong nước	50	5.000.000
4	Lê Thùy Trang	Cá nhân	Trong nước	3.000	300.000.000
5	Phí Ngọc Phương Anh	Cá nhân	Trong nước	3.700	370.000.000
6	Phạm Minh Huyền	Cá nhân	Trong nước	300	30.000.000
7	Đào Thị Thanh Mai	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
8	Nguyễn Đức Hà	Cá nhân	Trong nước	256	25.600.000
9	CTCP Đầu Tư Anpha	Cá nhân	Trong nước	3.563	356.300.000
10	Đặng Văn Bằng	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000

11	Trần Thị Nguyệt	Cá nhân	Trong nước	200	20.000.000
12	Vũ Thị Ánh	Cá nhân	Trong nước	5.000	500.000.000
13	Nguyễn Thị Hiên	Cá nhân	Trong nước	3.970	397.000.000
14	Nguyễn Danh Quang	Cá nhân	Trong nước	25.000	2.500.000.000
15	Nguyễn Văn Quang	Cá nhân	Trong nước	2.500	250.000.000
16	Trịnh Văn Thái	Cá nhân	Trong nước	2.200	220.000.000
17	Nguyễn Phương Dung	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
18	Phí Thị Thu Hiền	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
19	Nguyễn Cẩm Vân	Cá nhân	Trong nước	200	20.000.000
20	Bùi Phi	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
21	Nguyễn Thanh Mai	Cá nhân	Trong nước	100	10.000.000
22	Phạm Vũ Thùy Trang	Cá nhân	Trong nước	200	20.000.000
23	Phạm Thị Thủy	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
24	Hồ Đức Anh Hiếu	Cá nhân	Trong nước	4	400.000
25	Nguyễn Duy Khánh	Cá nhân	Trong nước	5	500.000
26	Nguyễn Hữu Nam	Cá nhân	Trong nước	36.000	3.600.000.000
27	Trần Thị Thu Nga	Cá nhân	Trong nước	1.500	150.000.000
28	Quản Thu Hằng	Cá nhân	Trong nước	3.000	300.000.000
29	Chu Tâm Anh	Cá nhân	Trong nước	580	58.000.000
30	Đỗ Thị Hồng Sen	Cá nhân	Trong nước	5	500.000
31	Nguyễn Văn Hải	Cá nhân	Trong nước	1	100.000

32	Nguyễn Thị Thu Hà	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
33	Lê Tuấn Anh	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
34	Cao Thị Huyền Trang	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
35	Đỗ Thị Lan Anh	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
36	Mai Thị Huyền Trang	Cá nhân	Trong nước	50	5.000.000
37	Nguyễn Thị Kim Quy	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
38	Đoàn Minh Hiền	Cá nhân	Trong nước	8	800.000
39	Phan Vân Anh	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
40	Nguyễn Việt Cường	Cá nhân	Trong nước	600	60.000.000
41	Đàm Hoàng Anh	Cá nhân	Trong nước	6.000	600.000.000
42	Phạm Thị Thanh Tâm	Cá nhân	Trong nước	200	20.000.000
43	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Cá nhân	Trong nước	3.000	300.000.000
44	Lê Minh Xuân Nhị	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
45	Đỗ Linh Chi	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
46	Ngô Ngọc Hồng Thanh	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
47	Trần Việt Hùng	Cá nhân	Trong nước	2.500	250.000.000
48	Trần Thị Phương Thảo	Cá nhân	Trong nước	3.000	300.000.000
49	Lưu Thị Kim Mỹ	Cá nhân	Trong nước	100	10.000.000
50	Trịnh Thị Vân Anh	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
51	Nguyễn Thị Nhài	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000
52	Vũ Thị Lựu	Cá nhân	Trong nước	1.000	100.000.000

53	Vũ Thu Hương	Cá nhân	Trong nước	500	50.000.000
54	Nguyễn Thu Trang	Cá nhân	Trong nước	100	10.000.000
55	Nguyễn Phước Hảo	Cá nhân	Trong nước	2.000	200.000.000
	TỔNG			**182.392**	**18.239.200.000**

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0102186693 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ IDJ VIỆT NAM
Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HĐQT

Hán Kông Khanh